

Bản án số:68/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Sơ

Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2021/HNGĐ-TLST ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc " *Tranh chấp ly hôn* ", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐ-ST ngày 04/5/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 32/TB-TA ngày 10/5/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 31/12/1974.

Địa chỉ : Khu 5, thị trấn H, huyện T, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Bị đơn : Chị Bùi Thị H, sinh ngày 07/11/1977.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh : Khu 5, thị trấn H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Malayxia (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị H tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 10 tháng 5 năm 1996. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do năm 2007 chị H đi Malayxia lao động nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, khi về Việt Nam thăm gia đình chị H cũng không ở với anh mà về nhà nhà mẹ đẻ ở. Đến năm 2017 chị H về Việt Nam để lo đám cưới cho con nhưng vợ chồng cũng không thể hòa hợp. Tháng 8/2018 chị H đã gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện H để giải quyết, tuy nhiên do anh

không đồng ý nên chị H đã rút đơn về và tiếp tục ra nước ngoài lao động. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Nguyễn Thái S, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Văn B, sinh năm 1997. Hiện nay hai cháu đã trưởng thành, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C xác định hiện tại chị H đang lao động tại Malayxia, do lâu ngày không liên lạc nên anh không biết địa chỉ của chị H để cung cấp cho Tòa án. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của chị H, đồng thời yêu cầu bà M cung cấp địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Bà M xác định hiện chị H đang lao động tại Malayxia nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của chị H nên không thể cung cấp cho Tòa án, tuy nhiên chị H thường xuyên liên lạc về với gia đình. Theo bà M cho biết anh C, chị H sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, chị H nhiều lần đã bỏ về nhà bà ở. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị H biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà M xác định đã thông tin cho chị H biết, chị H có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn. Về con chung đã trưởng thành, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị H chưa đề nghị giải quyết, sau này về Việt Nam chị sẽ đề nghị giải quyết sau. Do điều kiện công việc nên chị H đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh C, chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh C được ly hôn chị H; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết; Về án phí: anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Malayxia. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị H cung cấp địa chỉ,

nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục tố tụng giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh C có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn C và chị Bùi Thị H tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 10 tháng 5 năm 1996, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Năm 2007 chị H sang Malaysia lao động, hai bên mất niềm tin ở nhau chị đã từng làm đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn về nên chưa được giải quyết. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Thông qua gia đình, chị H cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với anh C. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh C và chị H đã kéo dài từ nhiều năm, nay cả hai đều xác định tình cảm không còn nên có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C.

- *Về con chung*: Anh chị có 2 con chung là Nguyễn Thái S, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn B, sinh năm 1997. Hiện các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Bùi Thị H.

2. Về con chung: Các con anh Nguyễn Văn C và chị Bùi Thị H đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng

án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0005744 ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Bùi Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự.
- Cục thi hành dân sự.
- UBND thị trấn H
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền